

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2022
“ *V/v ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Lương Thị Thuỷ**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Quang Chử**
Ông **Nguyễn Thanh Bình**

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên toà:

Ông **Vũ Đức Sam** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 01/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Trọng C, sinh năm 1956**
- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị L, sinh năm 1958**

Đều trú tại: thôn K, xã S, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2011 của ông C và quá trình tố tụng, ông C, bà L trình bày: Ông bà ở cùng thôn nên tự quen biết và tìm hiểu nhau sau đó xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào tháng 12/1982. Theo ông C thì sau khi lấy bà L ông vào công tác trong miền nam đến năm 1987 ông mới chuyển công tác ra ngoài bắc. Do ông là bộ đội thường xuyên xa nhà nên mọi sự thấu hiểu về nhau không sâu nên càng sống gần nhau càng bộc lộ những tính cách khác nhau không thể chấp nhận được, đặc biệt từ năm 1999 trở lại đây hai vợ chồng bất đồng không thể hoà hợp được, ông đã định làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó được hoà giải nên vợ chồng lại chung sống bình thường nhưng trong tâm trạng ông không còn nhiều tình cảm vợ chồng nữa. Đến nay thì ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy, ông C đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Còn theo bà L: quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều năm chung sống hạnh phúc và chỉ đến năm 2018 mới nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C bảo bà vay tiền để cho con trai là H đi lao động bên Anh, bà đã đi vay tổng số tiền là 610.000.000 đồng đưa cho ông C để hai bố con mang vào miền nam ký hợp

đồng. Sau khi vào nam, ông C ở luôn trong đó mở chi nhánh bán hàng đa cấp. Tháng 4/2019, ông C dùng 300.000.000 đồng trong số tiền bà đưa trước đó để chuyển cho đối tác làm ăn của ông C. Lúc này anh H bảo ông C chuyển tiền cho anh H để anh H sang Pháp nhưng không còn tiền, ông C bảo bà đi vay tiếp nhưng bà không đồng ý, ông C đòi bán đất nhưng bà cũng không đồng ý. Do vậy vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, ông C đòi ly hôn để vợ chồng chia tài sản, chia đất để bán lấy tiền. Bà L xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có khúc mắc một chút về chuyện tiền bạc, tết năm 2022 bà và ông C vẫn cùng nhau ăn tết vui vẻ, bản thân bà và gia đình nhà chồng luôn hòa thuận, có quan hệ tốt. Bà tha thiết đề nghị Tòa án xem xét giúp đỡ để vợ chồng bà đoàn tụ vì bây giờ bà và ông C tuổi đã cao, sống vì gia đình và con cháu, việc ly hôn là không đáng và không cần thiết, làm tổn hại đến các con.

Về con chung: Vợ chồng ông C, bà L có hai con trai chung là Ngô Đức D, sinh năm 1983 và Ngô Đức H, sinh năm 1987. Hiện anh D và anh H đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: ông C, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Cụ Vũ Thị Châm (mẹ đẻ ông C): Ông C và bà L đến với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Trước đây ông C đi công tác xa đến năm 1997 thì ông C về huyện đội Ân Thi công tác. Khi ở với nhau cụ chưa thấy ông C bà L cãi nhau bao giờ, chỉ vài năm trở lại đây thì vợ chồng có trục trặc, nguyên nhân cụ không biết vì sao, vợ chồng ông C bà L có đánh cãi nhau hay không cụ không biết.

- Anh Ngô Đức D (con trai ông C, bà L): Trong quá trình chung sống với nhau bố mẹ anh không có mâu thuẫn gì, do ông C chơi đa cấp thiệt hại kinh tế nên ông C làm đơn ly hôn mục đích để chia đất, chia nhà để bán. Anh đề nghị Tòa án không chấp nhận việc ly hôn của ông C với bà L.

- Anh Ngô Đức Hòa (con trai ông C, bà L): Giữa bố mẹ anh không có mâu thuẫn gì lớn, hai ông bà vẫn sống chung nhà, không ly thân nhau, do ông C làm ăn không suôn sẻ nên muốn phân chia tài sản để lấy tiền làm ăn. Tết vừa rồi ông C, bà L vẫn ăn tết cùng nhau, ông C muốn tự do để tham gia đa cấp chứ không phải có mâu thuẫn gì với bà L. Do vậy anh không đồng ý để bố mẹ ly hôn.

- Lời khai của ông Phạm Ngọc Đương- Trưởng thôn K: Ông không thấy vợ chồng ông C, bà L có mâu thuẫn gì lớn, tết nguyên đán vừa rồi ông bà vẫn ăn tết cùng nhau, ông không thấy vợ chồng ông bà đánh cãi nhau bao giờ, ông có nghe thấy ông C vướng mắc về tài chính khi tham gia đa cấp nên vợ chồng trục trặc chứ không có mâu thuẫn gì lớn cả.

- Xác minh với chính quyền địa phương: Bà và ông Ngô Trọng C cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng vào năm 1982. Sau khi kết hôn ông C có thời gian đóng quân xa nhà, bà L ở nhà chăm lo gia đình. Quá trình chung sống xã chưa thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì lớn. Sau đó ông C chuyển về công tác tại huyện đội Ân Thi, nay ông C có đơn ly hôn gửi Tòa án, về mâu thuẫn vợ chồng ông C, bà L cụ thể thế nào UBND xã không nắm được, bà L có trình bày về việc không có mâu thuẫn gì mà chỉ khúc mắc về tài chính do ông C tham gia đa cấp nên nợ nần, bà L đã cùng ông C trả dần công nợ.

Ngoài việc đó ra UBND xã không nhận được thông tin gì về việc mẫu thuẫn vợ chồng ông C.

Tại phiên tòa: Ông Ngô Trọng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với bà Phạm Thị L. Về tài sản chung, công nợ cũng như vấn đề về con chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị L trình bày: Vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì lớn nên bà không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chăm sóc con cháu vui tuổi già. Về tài sản chung, công nợ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, triệu tập nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

- Về thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn là ông Ngô Trọng C yêu cầu xin ly hôn, bị đơn là bà Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã S, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo đúng quy định tại Điều 68, 77 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về trình tự thụ lý vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiến hành hòa giải và chuẩn bị xét xử: Tòa án đã thực hiện việc thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định, đồng thời tiến hành phiên họp và lập biên bản theo đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, Bị đơn, Người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Trọng C về việc xin ly hôn bà Phạm Thị L

- Về con chung, về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Miễn án phí cho ông Ngô Trọng C. Trả lại cho ông C tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003037 ngày 17/12/2021 của Chi cục THADS huyện Ân Thi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Trọng C có yêu cầu xin ly hôn bà Phạm Thị L hiện đang cư trú tại: thôn K, xã S, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên và không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung và tài sản chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông C và bà L xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên), do vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo ông C khai vợ chồng ông nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều tính cách bất đồng, ông là bộ đội thường xuyên xa nhà nên mọi sự thấu hiểu về nhau giữa giữa vợ chồng ông không sâu nên khi sống gần nhau đã bộc lộ những tính cách khác nhau không thể chấp nhận được, đặc biệt từ năm 1999 trở lại đây hai vợ chồng bất đồng không thể hoà hợp được. Tuy nhiên, theo lời khai của bà L và những người làm chứng là những người thân trong gia đình thì bà L là cụ Chấm, anh D, anh Hòa thì giữa bà L và ông C không có mâu thuẫn gì lớn, những khúc mắc trong gia đình chỉ là trục trặc nhỏ do có khó khăn về kinh tế, ông C muốn ly hôn để chia tài sản. Thực tế cho đến hiện nay ông C và bà L vẫn chung sống sinh hoạt cùng nhau, không ly thân. Những khó khăn về kinh tế của ông C, bà L vẫn chia sẻ và giúp đỡ ông trả nợ, gánh vác việc gia đình, tết năm 2022 ông bà cũng vẫn cùng nhau ăn tết vui vẻ. Qua xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương cũng không nhận được bất cứ thông tin gì về mâu thuẫn vợ chồng ông C, bản thân bà L và gia đình ông C đều mong muốn ông bà về đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân của ông C và bà L chưa lâm vào tình trạng trầm trọng vì mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, ông bà vẫn có khả năng về đoàn tụ để cùng nương tựa khi về già và nuôi dạy con cháu. Do vậy yêu

cầu ly hôn của ông C là không có căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được Tòa chấp nhận.

[3] Về con chung: ông C và bà L có hai con chung là anh Ngô Đức D, sinh năm 1983 và anh Ngô Đức H sinh năm 1987, các con ông bà đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên ông C bà L không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức: ông C, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên do ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Trọng C về việc ly hôn với bà Phạm Thị L.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ và công sức: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Ngô Trọng C. Hoàn trả ông C số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003037 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- THA;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ